

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *109* /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày *03* tháng *9* năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết  
Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Ninh Thuận.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-BCT ngày 17/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ hoặc sửa đổi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa, đổi bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính được hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1164/TTr-SCT ngày 25/7/2019 và ý kiến của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Báo cáo số *64*/BC-V PUB ngày *03* /*9* /2019.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thuốc lá và lĩnh vực lưu thông hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ thủ tục hành chính tại Mục I, Mục IV Phần I – Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 3.** Giao Sở Công Thương căn cứ Danh mục Thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để UBND các huyện, thành phố niêm yết, công khai thực hiện.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT.CNTT và TT (Sở TTTT)
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu VT, TTPVHCC. TXS



CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh



**BẢNG MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN THUỘC TỈNH NINH THUẬN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 03/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực thuốc lá</b>				
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Qua bưu điện hoặc Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Ninh Thuận.  - Qua mạng điện tử (nếu có)	Theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Quyết định số 201/QĐ-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ hoặc sửa đổi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-nhu trên-	-nhu trên-	-nhu trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-như trên-	-như trên-	-như trên-
<b>II Lĩnh vực lưu thông hàng hóa</b>					
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Qua bưu điện hoặc Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Ninh Thuận.</li> <li>- Qua mạng điện tử (nếu có)</li> </ul>	Theo quy định của Bộ Tài chính	Quyết định 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quyết định về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa, đổi bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính được hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ	-như trên-	-như trên-	-như trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	công nhằm mục đích kinh doanh	hồ sơ hợp lệ			
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-như trên-	-như trên-	-như trên-
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-như trên-	-như trên-	-như trên-
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-như trên-	-như trên-	-như trên-
6	Cấp lại Giấy phép Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-như trên-	-như trên-	-như trên-
7	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	-như trên-	-như trên-	-như trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	hợp lệ			
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-như trên-	-như trên-	-như trên-
9	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-như trên-	-như trên-	-như trên-